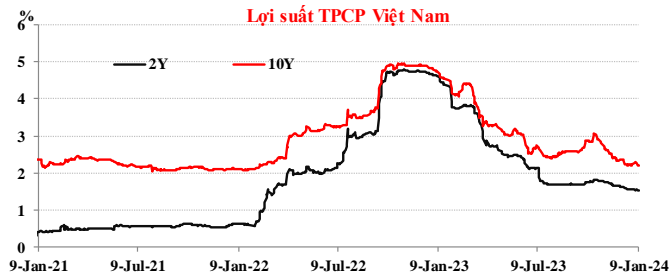


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.20	0.00	5.07	-0.01	3Y	1.53	-0.013
1W	0.30	-0.08	5.18	-0.05	5Y	1.52	-0.036
2W	0.53	-0.14	5.26	-0.05	7Y	1.86	0.004
1M	1.15	-0.48	5.36	-0.03	10Y	2.21	-0.006
2M	2.77	-0.08	5.46	-0.02	15Y	2.40	-0.008
3M	3.00	-0.17	5.54	0.00			
6M	4.57	-0.03	5.61	-0.01			
9M	5.04	-0.06	5.73	0.03			
1Y	5.46	-0.02	5.76	0.02			

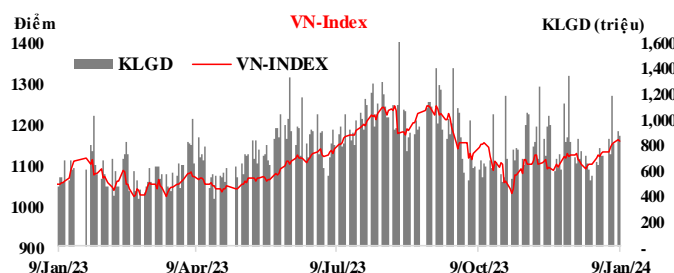


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 09/01/2024

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	1.04
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng					

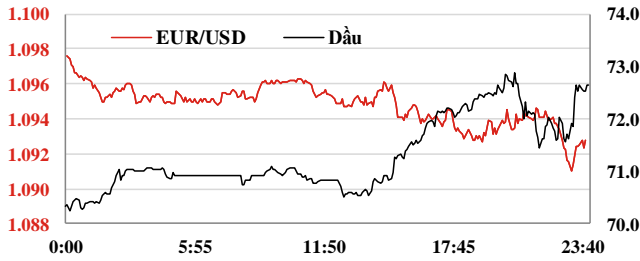
Chứng khoán ngày 09/01/2024

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1158.59	232.50	87.72
%/ngày	-0.14%	-0.36%	-0.08%
%/30/12/2022	15.04%	13.2%	22.4%
KLGD (tr.d.vị)	870.51	78.36	39.1
GTGD (tỷ đ)	18443.41	1660.56	531.53
NĐINN mua (tỷ đ)	1270.32	65.93	22.83
NĐINN bán (tỷ đ)	1402.04	84.80	13.93

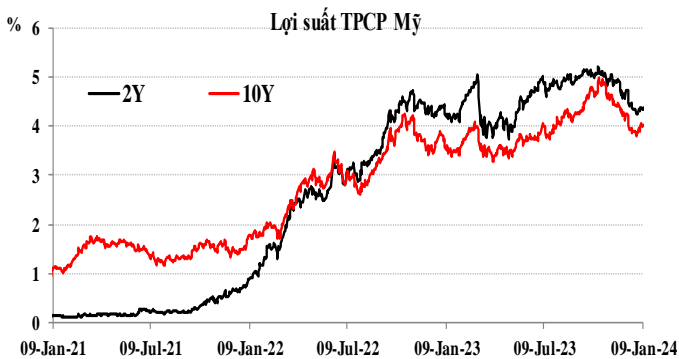
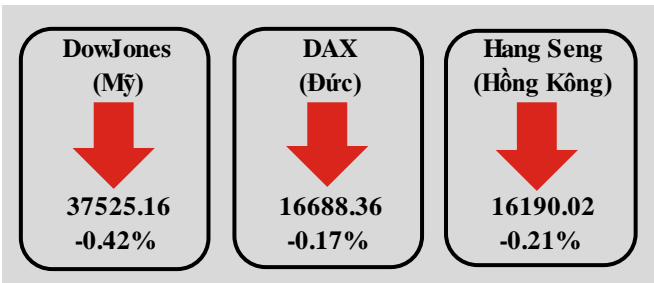


Tin trong nước ngày 09/01

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 09/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.931 VND/USD, chỉ giảm 02 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.077 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.363 VND/USD, tăng 13 đồng so với phiên 08/01. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.730 VND/USD và 24.830 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 09/01, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,08 – 0,48 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 0,20%; 1W 0,30%; 2W 0,53% và 1M 1,15%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,05 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,07%; 1W 5,18%; 2W 5,26%, 1M 5,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng ở kỳ hạn 7Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,53%; 5Y 1,52%; 7Y 1,86%; 10Y 2,21%; 15Y 2,40%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 1,04 tỷ đồng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán có phiên giằng co quanh mốc tham chiếu và kết phiên trong sắc đỏ. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm lần đầu tiên trong năm 2024 với 1,60 điểm (-0,14%) về mức 1.158,59 điểm; HNX-Index mất 0,83 điểm (-0,36%) còn 232,50 điểm; UPCoM-Index giảm 0,07 điểm (-0,08%) xuống 87,72 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước đó với giá trị giao dịch gần 20.600 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng gần 142 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo thông tin từ Bộ Tài chính, lũy kế thu NSNN ước tính đến hết ngày 31/12/2023 ước đạt 1.752,5 nghìn tỷ đồng, vượt 8,1% (131,75 nghìn tỷ đồng) so với dự toán, nhưng chỉ đạt 96,5% so với thực hiện năm 2022.** Thu nội địa vượt 10,1% dự toán, tăng 1,7% so với thực hiện năm 2022; thu từ dầu thô vượt 47,5% (19,9 nghìn tỷ đồng) so với dự toán, tuy nhiên vẫn giảm 20,6% so với năm 2022; thu cân đối NS từ hoạt động XNK đạt 91,8% (giảm 19,7 nghìn tỷ đồng) so với dự toán, giảm 23,1%. Lũy kế chi NSNN 12 tháng ước đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,4% dự toán, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: chi ĐTPPT ước đạt 79,8% dự toán Quốc hội quyết định, đạt 81,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; chi trả nợ lãi đạt 87,6% dự toán; chi thường xuyên đạt 90,3% dự toán.



	9 Jan 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	102.57	0.35%	0.36%	1.22%
USD/CNY	7.17	0.20%	0.36%	0.99%
USD/EUR	0.91	0.16%	0.15%	0.96%
USD/JPY	144.47	0.17%	1.75%	2.42%
USD/KRW	1320.08	0.63%	0.67%	1.98%
USD/SGD	1.33	0.23%	0.35%	0.88%
USD/TWD	31.06	0.50%	0.43%	1.23%
USD/THB	34.89	-0.11%	1.84%	1.57%
USD/VND Trung tâm	23931	-0.01%	0.35%	0.27%
USD/VND LNH	24363	0.05%	0.16%	0.47%
USD/VND tự do	24787	0.03%	0.39%	0.19%
Vàng	2029.59	0.09%	-1.42%	-1.60%
Dầu WTI	72.24	2.08%	2.64%	0.82%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/07/2023	31/01/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/09/2023	25/01/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	03/08/2023	01/02/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	23/01/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	08/11/2023	06/02/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Khu vực Eurozone ghi nhận một số chỉ báo kinh tế đáng chú ý.** Đầu tiên, về thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone giảm xuống mức 6,4% trong tháng 11, trái với dự báo đi ngang ở mức 6,5% như kết quả thống kê tháng 10. Thị trường nhận định có thể thị trường lao động tại Eurozone sẽ tiếp tục ở trạng thái thắt chặt trong vài quý tới. Tiếp theo, tại nước Đức, sản lượng công nghiệp tháng 11 ghi nhận mức giảm 0,7%, nối tiếp đà giảm 0,3% của tháng trước đó và trái với dự báo tăng nhẹ 0,4%. So với cùng kỳ năm 2022, sản lượng công nghiệp tại quốc gia này giảm khoảng 4,8% y/y.
- Nhật Bản cũng đón các thông tin cho thấy kinh tế mất dần đà hồi phục.** Chính phủ Nhật công bố mức chi tiêu của các hộ gia đình giảm 2,9% y/y trong tháng 12, sâu hơn mức giảm 2,5% ghi nhận ở tháng trước đó và tiêu cực hơn dự báo chỉ giảm 2,2%. Tiếp theo, tại khu vực Tokyo, chỉ số giá tiêu dùng CPI lõi tăng 2,1% y/y trong tháng 12, thấp hơn mức tăng 2,3% của tháng trước đó và khớp với dự báo. Một số ý kiến cho rằng áp lực lạm phát tại thủ đô suy yếu có thể khiến NHTW Nhật Bản cân nhắc chưa vội tăng LSCS trở lại trong cuộc họp đầu năm ngày 22-23/01.
- Doanh số bán lẻ tại Úc tăng mạnh trong tháng 11.** Văn phòng Thống kê Úc ABS cho biết doanh số bán lẻ tại nước này tăng 2,0% m/m trong tháng 11 sau khi giảm nhẹ 0,2% ở tháng trước đó, vượt qua mức tăng 1,2% theo kỳ vọng. So với cùng kỳ năm 2022, doanh số ghi nhận mức tăng 2,2% y/y. Trong tháng 11, đồ dùng gia dụng có mức tăng lớn nhất 7,5% m/m, tiếp đó là đồ dùng văn phòng tăng 4,2%, quần áo đồ trang sức cũng tăng 2,7%. Theo Reuters phân tích, sức tăng doanh số bán lẻ trong tháng 11 có sự hỗ trợ của yếu tố mùa vụ, có thể sẽ tiếp tục tiếp diễn trong tháng 12 và tháng 01/2024 khi thị trường chuẩn bị cho kỳ nghỉ lễ Giáng sinh. Mặc dù vậy, ngành bán lẻ tại Úc nhiều khả năng sẽ suy yếu trong H1/2024 do áp lực từ CSTT thắt chặt của NHTW Úc RBA.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
09-01	6:30	*	Chỉ tiêu hộ gia đình Nhật Bản yy T11	-2,9	-2,2	-2,5
09-01	7:30	**	Doanh số bán lẻ Úc mm T11	2,0	1,2	-0,4
09-01	7:30	*	Số cấp phép xây dựng nhà tại Úc mm T11	1,6	-1,9	7,2
09-01	17:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone T11	6,4	6,5	6,5
10-01	7:30	***	CPI Úc yy T12		4,4	4,9
10-01	21:15	***	Phát biểu của Thống đốc NHTW Anh Andrew Bailey			

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ, đóng cửa tại 1.158,59 điểm. Như đã dự báo, VN-Index đang có sự rung lắc khi chạm ngưỡng kháng cự 1.160 điểm, có thể điều chỉnh nhẹ trong những phiên sắp tới. Mặc dù vậy, dòng tiền vào thị trường vẫn cho thấy sự tích cực, tạo nền tảng để đi lên trong trung hạn.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn